

TƯ TƯỞNG PHÁP TRỊ CỦA HÀN PHI

NGUYỄN TÀI ĐÔNG (*)

Hàn Phi (khoảng 280 – 233 TCN) là người tập đại thành tư tưởng Pháp gia. Ông đã tiếp thu điểm ưu trội của ba trường pháp “pháp”, “thuật”, “thế” để xây dựng và phát triển một hệ thống lý luận pháp trị tương đối hoàn chỉnh và tiến bộ so với đương thời. Coi pháp luật là công cụ hữu hiệu để đem lại hoà bình, ổn định và công bằng, Hàn Phi đã đề xuất tư tưởng dùng luật pháp để trị nước. Ông đưa ra một số nguyên tắc cơ bản trong xây dựng và thực thi pháp luật, như pháp luật phải nghiêm minh, không phân biệt sang hèn, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật... Với những tư tưởng đó, học thuyết của Hàn Phi được người xưa gọi là “học thuyết của đế vương”.

àn Phi (khoảng 280 – 233 TCN), triết gia thời cuối Chiến Quốc, là người tập đại thành tư tưởng Pháp gia. Ông xuất thân từ giới quý tộc nước Hàn, đã nhiều lần dâng kế sách trị nước lên vua Hàn song chưa từng được sử dụng. Ông nhận thấy vua Hàn “không sửa đổi làm rõ pháp chế” (bất vụ tu minh kỳ pháp chế), từ đó tạo nên tình trạng “các nhà Nho dùng văn làm rối loạn pháp luật, bọn hiệp sĩ dùng võ phạm vào điều cấm” (Nho giả dụng văn loạn pháp, nhi hiệp giả dĩ võ phạm cấm. *Sử ký. Lão Trang Thân Hàn liệt truyện*). Về lý luận chính trị, ông tiếp thu điểm ưu trội của ba trường phái trong Pháp gia: “pháp” (Thương Ưởng), “thuật” (Thân Bất Hại), “thế” (Thận Đáo); từ đó, phát triển và xây dựng một hệ thống lý luận pháp trị(1) tương đối hoàn chỉnh và tiến bộ so với đương thời.

Trong quá trình xây dựng học thuyết của mình, Hàn Phi phê phán mạnh mẽ lý thuyết chính trị của Nho gia. Dưới con mắt của ông, cách cai trị dựa trên nhân đức của nhà cầm quyền (dưới các tên gọi như “nhân trị”, “đức trị” hay “lễ trị”), lý tưởng chính trị Nghiêu Thuấn là trái với thực tế và nếu áp dụng quan niệm đó sẽ làm loạn đất nước.

Khổng Tử – người sáng lập Nho gia – làm hết sức để nhằm mục đích cho người quân tử cai trị đất nước. Ông tin chắc rằng, nền tảng của việc cai trị đất nước chính là tự chế ước bản thân. Một vị quân chủ cao quý nắm giữ chính quyền sẽ tự nhiên mang lại hòa bình và ổn định cho đất nước. Khổng Tử đã từng nói: “Bản thân mà chính đáng, dù không cần mệnh lệnh thì (người khác) cũng thi hành; còn nếu bản thân không chính đáng, dù có mệnh lệnh thì (người khác) cũng không tuân theo” (Kỷ thân chính, bất lệnh nhi hành; kỳ thân bất chính, tuy lệnh bất tòng. *Luận Ngữ. Tử Lộ*). Mặc dù không yêu cầu mọi ông vua đều phải như Nghiêu Thuấn – thánh hiền mang tính lý tưởng, song theo ông, tiền đề quyết định sự thành bại trong việc trị nước chính là đức hạnh của nhà vua đang trị vì. Đức hạnh đó được gọi là “nhân” và đạt được qua “lễ” (chế ước bản thân quay về với điều lễ là nhân. “Khắc kỷ phục lễ vi nhân”).

(*) Thạc sĩ, Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

(1) Pháp trị (rule by law) ở đây được tam hiểu là tư tưởng chính trị chủ trương căn cứ vào pháp luật để quản lý đất nước. Tại Trung Quốc, pháp trị là tư tưởng đặc trưng cơ bản của phái Pháp gia thời Xuân Thu – Chiến Quốc. Tư tưởng pháp trị này đối lập (hoặc có thể coi là *phản thuyết*) với tư tưởng chính trị “lễ trị”, “đức trị” hay “nhân trị” của phái Nho gia.

Khổng Tử là người đặc biệt nể cổ, thường coi xưa hơn nay; tâm nguyện của ông là làm sao để xã hội có thể trở về trạng thái xưa cũ. Mặc Tử, ông tổ phái Mặc gia, cũng rất đề cao quá khứ. Theo ông, một trong ba tiêu chuẩn của chân lý (phép “Tam biểu”), là lời nói của thánh nhân đời xưa, hay những gì đã từng được nói đến trong quá khứ. Hàn Phi đã phê phán một cách hết sức sắc sảo loại quan điểm này: “Khổng Tử, Mặc Tử đều nói đến Nghiêu, Thuấn nhưng chủ trương của hai người khác nhau. Họ đều tự cho mình là Nghiêu, Thuấn chân chính. Nghiêu, Thuấn không sống lại, vậy ai sẽ quyết định đạo Nho hay đạo Mặc là đúng với Nghiêu, Thuấn? Đời Ân, đời Chu đã hơn bảy trăm năm, đời Ngu, đời Hạ trước đây đã hơn hai ngàn năm mà còn không quyết định được cái đúng của đạo Nho và đạo Mặc. Nay lại muốn nghiên cứu cái đạo của Nghiêu, Thuấn cách đây đã ba ngàn năm, chẳng phải là không thể nào làm được sao? Nếu như không tham nghiệm được mà lại quyết định ngay thì đó là ngu. Nếu không thể quyết định được mà lại theo ngay thì đó là dối trá. Cho nên chuyện nêu cao các tiên vương, quyết định theo Nghiêu và Thuấn nếu như không phải là ngu thì cũng là dối trá vậy. Cái học ngu và dối trá, cái hành động bác tập và trái pháp luật này vị vua sáng không theo”(2). Các nhà Nho luôn muốn thần thánh hóa bậc quân chủ, song để pháp luật có được tính phổ quát nhất định, hay nói cách khác, để có được một nền pháp trị, Pháp gia nói chung và Hàn Phi nói riêng đã tước bỏ ý nghĩa thần thánh mà những kẻ cai trị luôn muốn tự khoác lên mình.

Hàn Phi quan niệm nhà vua cũng chỉ là người bình thường như bao người khác. Cái làm cho đất nước trị hay loạn không phải là ông vua của nước đó ra sao, mà là nền pháp trị của nước đó như thế nào. Hiện

tượng Quân Trọng và Tể Hoàn Công thường được sử dụng như một ví dụ đắt giá cho tư tưởng này. Các nhà Nho tôn quân, Hàn Phi cũng tôn quân, nhưng tôn quân theo một kiểu khác(3). Ông viết: “Bọn nhà Nho đời nay nói với nhà vua lại không nói đến cái làm cho đời nay được trị mà nói đến công lao trị an ngày xưa, không hiểu rõ công việc phép quan, không xét kỹ cái tình hình của bọn gian tà, mà đều nói đến những chuyện truyền lại từ thời thượng cổ, ca ngợi công lao của các tiên vương. Bọn nhà Nho tô vẽ lời nói, bảo: ‘Nghe lời nói của ta thì có thể làm bá vương’. Loại người nói như vậy cũng như bọn thầy cúng, đồng cốt, vị vua có pháp độ không nghe. Cho nên vị vua sáng nêu lên những việc có thực, bỏ cái vô dụng, không nói chuyện nhân nghĩa, không nghe lời bọn học giả”(4).

Hàn Phi quan niệm pháp luật là công cụ hữu hiệu nhất để đem lại hòa bình, ổn định và công bằng: “Bậc thánh nhân hiểu rõ cái thực tế của việc phải và trái, xét rõ thực chất của việc trị và loạn, cho nên trị nước thì nêu rõ pháp luật đúng đắn, bày ra hình phạt nghiêm khắc để chữa cái loạn của dân chúng, trừ bỏ cái họa trong thiên hạ. Khiến cho kẻ mạnh không lấn át người yếu, kẻ đông không xúc phạm số ít, người già cả

(2) Phan Ngọc (dịch). *Hàn Phi Tử*. Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 2001, tr. 561.

(3) “Nho gia tuy tôn quân nhưng coi vua là người chỉ nhân sứ mạng của trời, mà ý dân là ý trời, nên đời vua phải có đạo đức, ông vua nào không có tư cách đều bị Khổng Tử, Mạnh Tử chê hoặc mạt sát; mà Nho gia lại chính là những chính trị gia chỉ có ý niệm về đạo đức (nhân) về bốn phân (nghĩa) chứ chưa có ý niệm về pháp luật. Trái lại Pháp gia tôn quân hơn Nho gia nhiều thì lại có ý niệm rất rõ về pháp luật và đòi hỏi các vua chúa phải luôn luôn áp dụng đúng pháp luật. Cơ hồ họ cảm thấy rằng phải có pháp luật để giảm bớt uy quyền của ông vua. Họ không nói đến mệnh trời, ý dân nữa, không đề cao nhân nghĩa nữa mà chỉ nói đến pháp luật, đề cao pháp luật”. Nguyễn Hiến Lê. *Hàn Phi Tử*, tr.274.

(4) Phan Ngọc. *Sđđ.*, tr. 570.

được thỏa lòng, người trẻ và cô độc được trưởng thành, biên giới không bị xâm lấn, vua và tôi thân yêu nhau, cha con giữ gìn cho nhau”(5).

Sở dĩ tư tưởng chính trị của Hàn Phi đối lập với tư tưởng Nho gia là bởi ông có một quan niệm hết sức sâu sắc về thực tiễn. Khác với Khổng Mạnh mượn đời xưa để phê phán đời nay hay lấy cái quá khứ được tuyệt đối hóa để đo hiện tại, Hàn Phi cho rằng, mọi suy nghĩ, mọi hành động, mọi lý luận phải đều được bắt nguồn từ chính thực tiễn của đất nước. Các nhà Nho trên mây trên gió bàn việc chính sự chẳng qua chỉ như trẻ con nghịch đất, không thể đem lại hiệu quả thực tế: “Trẻ con đùa nghịch với nhau lấy đất làm cơm, lấy bùn làm canh, lấy gỗ làm thịt. Nhưng chiếu đến, thế nào cũng trở về nhà ăn cơm. Cơm đất, canh bùn có thể đùa để chơi, nhưng không thể dùng để ăn. Khen những điều truyền tụng từ thượng cổ, hùng biện mà không chắc chắn, nói chuyện nhân nghĩa của các tiên vương mà không biết sửa đổi nước, thì đó cũng đều là những điều có thể dùng để đùa chơi chứ không dùng để trị nước”(6).

Hai thiên *Giải Lão* và *Dụ Lão* trong tác phẩm *Hàn Phi Tử* đã chứng tỏ Hàn Phi rất am hiểu Đạo gia. Nhìn chung, cả Đạo gia và Pháp gia đều yêu cầu mọi việc phải luôn biến đổi. Đạo gia nhấn mạnh đến tính tương đối của tri thức con người cũng như của chế độ, còn Pháp gia đi đến kết luận rằng, cần phải lấy yêu cầu trước mắt làm phương hướng cho việc giải quyết các vấn đề chính sự. Nó đòi hỏi người đứng đầu bộ máy quyền lực phải luôn theo sát tình hình thực tế: “Bậc thánh nhân không cốt trau dồi chuyện xưa, không noi theo những nguyên tắc bất biến, khi bàn việc làm ở đời thì dựa theo tình hình của thời mình mà đặt ra những biện pháp”(7). Hàn Phi phê phán một cách gay gắt những người *hủ Nho*, coi đó là “bọn học giả dốt nát ở đời

không biết bản chất của việc trị và loạn, cứ nói năng nhảm nhí và dẫn những sách của người xưa để làm rối việc cai trị ở đời này... Nếu nghe lời họ thì nguy, nếu dùng kế họ thì loạn. Đó là điều ngu hết sức lớn và là mối lo hết sức lớn”(8).

Then chốt của việc xây dựng đất nước giàu mạnh là phải dựa vào pháp luật. Có pháp luật, pháp luật được thi hành một cách phổ quát và đúng đắn thì xã hội mới ổn định, xã hội ổn định lại là tiền đề quan trọng để xây dựng đất nước giàu mạnh, làm cho dân chúng được yên bình, hạnh phúc. Từ chỗ cho rằng, “Không có nước nào luôn luôn mạnh, cũng không có nước nào luôn luôn yếu. Hễ những người thi hành pháp luật mà mạnh thì nước mạnh, còn hễ những người thi hành pháp luật yếu thì nước yếu”(9), Hàn Phi đã đề xuất tư tưởng **“trị nước bằng luật pháp”** (đi pháp trị quốc), chủ trương **“luật pháp không phân biệt sang hèn”** (pháp bất a quý), “hình phạt không kiêng dè bậc đại thần, tướng thưởng không bỏ sót kẻ thất phu” (hình quá bất tị đại thần, thưởng thiện bất di tứ phu). Ông hết sức coi trọng tác dụng của pháp luật và chủ trương xây dựng một lý luận pháp trị hoàn chỉnh, trong đó lấy “pháp” làm hạt nhân, kết hợp chặt chẽ “pháp”, “thuật” với “thế”.

Hàn Phi hiểu rất rõ và sâu sắc về pháp luật, coi “pháp luật là mệnh lệnh ban bố rõ ràng ở nơi cửa công, hình phạt chắc chắn đối với lòng dân, thưởng cho những kẻ cần thận giữ pháp luật, nhưng phạt những kẻ làm trái lệnh”(10). Đây là một tư tưởng hết sức tiến bộ so với đương thời. Cái gọi là “mệnh lệnh ban bố rõ ràng nơi cửa công”

(5) Phan Ngọc. *Sdd.*, tr. 130.

(6) Phan Ngọc. *Sdd.*, tr. 327.

(7) Phan Ngọc. *Sdd.*, tr. 540.

(8) Phan Ngọc. *Sdd.*, tr. 129.

(9) Phan Ngọc. *Sdd.*, tr. 55.

(10) Phan Ngọc. *Sdd.*, tr. 478-479.

khác xa so với cách cai trị bởi ý muốn chủ quan của các cá nhân quý tộc nắm quyền đương thời. Pháp luật rõ ràng được ban bố cho trăm họ, làm cho dân biết pháp luật để tránh phạm pháp; lấy đó làm chuẩn tắc cho hành vi của mọi người, chứ không phải là cái bẫy để hại dân. Các điều luật minh bạch là phương thức phòng bị tích cực, chứ không phải là một thủ đoạn chế tài tiêu cực. Đồng thời, nó cũng chính là “hiến lệnh” – một công cụ - để vua cai trị thần dân. Nội dung chủ yếu của “pháp” có thể quy về 2 khái niệm chủ yếu là “thưởng” và “phạt”.

Thực hành pháp trị tất phải xây dựng pháp luật. Hàn Phi cho rằng, lập pháp cần phải xét đến các nguyên tắc sau: 1/ *Tính tư lợi*. Hàn Phi quan niệm nền tảng của quan hệ giữa con người với con người là tư lợi, ai cũng muốn giành cái lợi cho mình. “Ông thầy thuốc khéo hút mủ ở vết thương người ta, ngậm máu người ta không phải vì có tình thương cốt nhục, chẳng qua làm thế thì có lợi. Cho nên, người bán cỗ xe làm xong cỗ xe thì muốn người ta giàu sang. Người thợ mộc đóng xong quan tài thì muốn người ta chết non. Đó không phải vì người thợ đóng cỗ xe có lòng nhân, còn người thợ đóng quan tài không phải ghét người ta, nhưng cái lợi của anh ta là ở chỗ người ta chết”(11). Luật pháp đặt ra thì cái lợi của nó phải lớn hơn cái hại. 2/ *Hợp với thời thế*. Đây chính là thuyết biến pháp của Hàn Phi. Nguyên tắc thực tế của việc xây dựng pháp luật, hay tính thực tiễn của luật pháp, là nét nổi bật trong tư tưởng pháp trị của Hàn Phi. Đối với ông, không có một pháp luật siêu hình hay một mô hình pháp luật trừu tượng tiên thiên để mà noi theo. Chỉ duy nhất có yêu cầu và tiêu chuẩn của thực tiễn. “Pháp luật thay đổi theo thời thì trị; việc cai trị thích hợp theo thời thì có công lao... Thời thế thay đổi mà cách cai trị

không thay đổi thì sinh loạn... Cho nên, bậc thánh nhân trị dân thì pháp luật theo thời mà thay đổi và sự ngăn cấm theo khả năng mà thay đổi”(12). 3/ *Ổn định, thống nhất*. Mặc dù pháp luật phải thay đổi cho hợp với thời thế, song trong một thời kỳ, pháp lệnh đã đặt ra thì không được tùy tiện thay đổi (“số biến pháp”), vì nếu vậy thì dân chúng không những không thể theo, mà còn tạo cơ hội cho bọn gian thần. 4/ *Phù hợp với tình người, dễ biết dễ làm*. 5/ *Đơn giản mà đầy đủ*. 6/ *Thường hậu phạt nặng*.

Đối với việc chấp pháp, nguyên tắc của Hàn Phi là: 1/ *Tăng cường giáo dục pháp chế*, tức là “dĩ pháp vi giáo”. 2/ *Mọi người, ai ai cũng bình đẳng trước pháp luật*, tức “pháp bất a quý”, “hình bất tị đại thân, thưởng thiện bất di tứ phu”. Đến bản thân bậc quân chủ – nhà vua – cũng phải tôn trọng và tuân thủ pháp luật: “Kể làm vua chúa là kẻ phải giữ pháp luật, căn cứ vào kết quả mà xét để lập công lao”(13); Nếu nhà vua biết bỏ điều riêng tư, làm theo phép công thì chẳng những dân sẽ được yên, mà nước cũng được trị. Nếu xét theo ý nghĩa của những luận điểm này thì có thể thấy rằng, mặc dù Hàn Phi chủ trương quân quyền thần thánh không thể xâm phạm, song hình thái quân quyền này vẫn bị chế ước bởi pháp quyền. 3/ *Nghiêm khắc cẩn thận*, “tín thưởng tất phạt”, không được tùy ý thưởng cho người không có công, vô cớ sát hại người vô tội. 4/ *Dùng sức mạnh đạo đức hỗ trợ cho việc thi hành pháp luật*.

Hàn Phi chủ trương pháp trị, song cũng rất chú trọng đến “thuật” của nhà vua, bởi vì “bầy tôi đối với nhà vua không phải có tình thân cốt nhục, chỉ vì bị tình thế buộc không thể không thờ”(14). Nhà vua dựa vào

(11) Phan Ngọc. *Sdd.*, tr. 150-151.

(12) Phan Ngọc. *Sdd.*, tr. 588.

(13) Phan Ngọc. *Sdd.*, tr. 394.

(14) Phan Ngọc. *Sdd.*, tr. 149.

pháp trị để làm cho đất nước giàu mạnh, song nếu “không có cái thuật để biết kẻ gian thì chỉ lấy cái giàu mạnh của nước mà làm giàu có cho các quan đại thần mà thôi”(15). Do vậy, nhà vua phải có “thuật” để dùng người. Đối với Hàn Phi, “thuật” chính là một loạt các phương pháp bổ nhiệm, miễn nhiệm, thi cử, thưởng phạt của nhà vua. Trong đó, phép hình danh là một thuật không thể thiếu được của bậc quân chủ. Với cách nhìn như vậy thì “pháp” và “thuật” gắn bó chặt chẽ với nhau: “Nhà vua không có thuật trị nước thì ở trên bị che đậy; bấy tôi mà không có pháp luật thì cái loạn sinh ra ở dưới. Hai cái không thể thiếu cái nào, đó đều là những công cụ của bậc đế vương”(16).

Ngoài “pháp” và “thuật”, Hàn Phi đặc biệt coi trọng “thế”. “Thế” còn được gọi là “quyền thế”, “uy thế”, “thế trọng”, nó chỉ một sức mạnh quyền uy tuyệt đối, cũng chính là quyền thống trị tối cao của ông vua, bao gồm quyền sử dụng người, quyền thưởng phạt, v.v.. Hàn Phi cho rằng, chỉ khi nào nắm quyền thống trị trong tay, thì một người nào đấy mới là kẻ thống trị, mới có thể cai trị dân chúng. Trong thiên “Bát kinh”, ông viết: “Cái thế là cơ sở để thắng đám đông”(17) (Thế giả, thắng chúng chi tư dã). Để yên ổn trị nước, bậc quân chủ tất phải nắm giữ quyền thế. Hàn Phi quan niệm rất rõ ràng những điểm trọng yếu về thế: 1/Vua không được cho bề tôi mượn quyền thế. 2/ Vua không được dùng chung quyền thế với bề tôi. 3/ Cần sử dụng thuật thưởng phạt để củng cố quyền thế. 4/ Vua phải duy trì địa vị độc tôn của mình, không được để bề tôi quá quý hiển, để phòng đại thần tiếm quyền. Vì vậy, nếu chỉ xét về bản thân vị vua, thì “thế” là cái cốt lõi nhất, quan trọng nhất, còn “pháp” và “thuật” chỉ là công cụ.

Sử dụng “pháp”, “thuật”, “thế” cốt yếu là để tăng cường sức mạnh của tập quyền

quân chủ, tạo nên bối cảnh chính trị “việc tuy ở bốn phương song then chốt ở tại trung ương, thánh nhân nắm giữ cái chủ yếu, bốn phương đến phục dịch” (sự tại tứ phương, yếu tại trung ương, thánh nhân chấp yếu, tứ phương lai hiệu. “*Hàn Phi Tử. Dương quyền*”); từ đó, góp phần tạo ra một xu thế lịch sử cho việc xây dựng một nhà nước trung ương tập quyền phong kiến thống nhất.

Trên thực tế, sau khi sử dụng hệ thống pháp trị, nhà Tần đã thu phục được các nước còn lại, thống nhất Trung Quốc, mở ra một trang sử mới cho dân tộc Trung Hoa. Song, sang đến đời Hán, Nho gia đã hưng thịnh trở lại, Pháp gia cùng hệ thống pháp trị nhanh chóng mất đi chỗ đứng của mình. Về phương diện này, Ngô Kinh Hùng, nhà triết học pháp luật nổi tiếng người Trung Quốc, đã đưa ra một nhận xét tương đối xác đáng rằng, sở dĩ Pháp gia thất bại là do bản thân cách làm của Pháp gia (trong đấy có Hàn Phi) tồn tại nhiều điểm quá cực đoan:

1. Đồng nhất việc cai trị dựa trên pháp luật với việc cai trị dựa vào các hình phạt nghiêm khắc.

2. Quan niệm về pháp luật của Pháp gia nói chung và Hàn Phi nói riêng quá máy móc và cứng nhắc, hoàn toàn không có tính đàn hồi trong việc sử dụng pháp luật.

3. Coi các điều khoản pháp luật chính thức là hình thức duy nhất phù hợp với pháp luật, hoàn toàn bỏ qua nhân tố luật tập quán.

4. Giải thích mục tiêu pháp luật quá chú trọng đến phương diện vật chất; thực ra, luật pháp cần phải giúp phát triển một cách bình đẳng các lợi ích khác nhau.

(15) Phan Ngọc, *Sđđ.*, tr. 480.

(16) Phan Ngọc, *Sđđ.*, tr. 479.

(17) Phan Ngọc, *Sđđ.*, tr. 524.

5. Ở họ có lòng nhiệt huyết cải cách mù quáng, song lại quá thiếu ý thức lịch sử, dường như là muốn sáng tạo lại lịch sử(18).

Thực tế sau đó cho thấy, tư tưởng Nho gia đã nhấn chìm chế độ pháp luật, mà chậm nhất là đời Đường đã xuất hiện một chủ nghĩa Nho gia khổng chế toàn bộ hệ thống pháp luật. Ngô Kinh Hùng viết: “Bắt đầu từ đó, pháp luật là nô tỳ của đạo đức – nằm ở địa vị thứ cấp – không được những người tài năng nhất coi trọng”; “Từ trong thâm tâm, tôi cho rằng thắng lợi của Nho gia... đã đặt pháp luật học vào trong quan tài, khiến nó biến thành con rối trong suốt hơn 20 thế kỷ. Khoảng cuối thế kỷ XIX, ảnh hưởng của phương Tây mới bắt đầu giải thoát tinh thần pháp luật Trung Quốc ra khỏi tấm áo chế ngự của truyền thống Nho gia”(19). Ông còn nói thêm rằng, ở phương Tây thời cổ đại, người La Mã đã đạt đến trình độ cao nhất về tư tưởng pháp luật, qua suốt thời kỳ trung cổ, đến tận thời cận đại, pháp luật luôn được coi trọng và được mọi người công nhận là công cụ của chính nghĩa. Mặc dù đôi khi có những trào lưu hay lý luận vô chính phủ đặt luật thói quen cao hơn luật hình thức, song những hiện tượng này chỉ nằm ngoài lề đời sống xã hội và đời sống văn hóa. Có người nói sau khi tư tưởng pháp luật Trung Quốc đạt đỉnh cao thời kỳ đầu, hai nghìn năm nay nó chỉ có vị trí là một cái bóng, điều đó không phải là không có lý. Một số người khác thường đặt Pháp gia trong sự đối chiếu với tinh thần pháp luật của người Hy Lạp, La Mã cổ đại, song theo tôi, trên một phương diện nào đấy, khó có thể so sánh Pháp gia với hệ thống pháp luật Hy Lạp và đặc biệt là La Mã. Tư tưởng pháp trị của Trung Quốc mà Hàn Phi là đại biểu xuất sắc nhất vẫn thiếu một tinh thần pháp luật tối thượng. Tuy Hàn Phi quan niệm vua phải tuân theo pháp luật, song trên thực

tế, vua là người siêu vượt lên trên pháp luật, vì mọi quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp đều nằm trong tay nhà vua. Hơn nữa, xem xét dưới góc độ kỹ thuật, dù có một số người vẫn quan niệm pháp luật của Hàn Phi là sự kết hợp giữa lễ và hình, song để so sánh, thì “hình” vượt xa “lễ” rất nhiều. Trên thực tế, hình phạt là nền tảng của những điều luật mà Pháp gia đưa ra.

Nếu nhìn trong quá trình lịch sử thì cái gọi là sự thất bại của Pháp trước Nho có nhiều căn nguyên xã hội sâu xa. Sau khi thống nhất Trung Quốc, Tần Thủy Hoàng đã tiến hành một loạt cải cách quan trọng, như xác lập chế độ sở hữu đất đai phong kiến trên phạm vi cả nước, xây dựng hàng loạt các công trình thủy lợi lớn, loại bỏ chế độ phân phong, thiết lập chế độ quận huyện, thống nhất tiền tệ, hệ thống đo lường, bánh xe, văn tự toàn quốc, v.v.. Khi nhà Tần sụp đổ, nhà Tây Hán từ Hán Cao Tổ đến Hán Vũ Đế vẫn tiếp tục con đường chính trị và chính sách của Pháp gia và từ đây, sự đấu tranh giữa hai hệ tư tưởng Nho và Pháp ngày càng trở nên gay gắt hơn.

Mặc dù từ Tần Thủy Hoàng đã phế bỏ chế độ nô lệ, song đến đầu Tây Hán, việc mua bán, sử dụng nô lệ với số lượng lớn vẫn được tiến hành, nhất là ở các nhà quý tộc sáu nước cũ (“lục quốc cường tộc”). Ngoài ra, các nhà buôn và các ông chủ sản xuất lớn (nhất là trong các ngành quan trọng: luyện sắt, làm muối, đúc tiền,...) cũng lấy nô lệ làm lực lượng lao động chủ yếu. Hai thế lực này cấu kết với nhau, gây một áp lực lớn đối với chính quyền nhà Hán. Trước tình hình đó, Hán Văn Đế và Hán Cảnh Đế tiếp tục tiến hành con đường của Pháp gia, bác bỏ các lập luận của hai

(18) Matthias Christian. *Triết học pháp luật phương Đông và phương Tây*. Trung Quốc chính pháp đại học xuất bản xã, Bắc Kinh, 2004, tr. 89.

(19) Matthias Christian. *Sđđ.*, tr. 90.

nhóm trên, mạnh tay bãi bỏ phiên trấn, tăng cường trung ương tập quyền.

Sau khi lên ngôi, Hán Vũ Đế từng tiếp nhận kiến nghị “Độc tôn Nho học, loại bỏ các trường phái khác” (“Bãi truất bách gia, độc tôn Nho thuật”) của Đồng Trọng Thư. Về mặt tuyên ngôn ý thức hệ là như vậy, song trên bình diện hành động thực tiễn, vị vua này vẫn triệt để đi theo con đường Pháp gia. Mặc dù Đồng Trọng Thư đề xuất “Xuân Thu đại nhất thống”, cổ vũ “làm vua, dựng nước trên cơ sở cát đất, chia dân” (“cát địa phân dân nhi kiến quốc lập quân”, *Xuân Thu phồn lộ*, *Chư hầu*) nhằm quay lại chế độ chư hầu phân phong, song Hán Vũ Đế vẫn nhất quán chính sách “tiêu phiên” (diệt trừ phiên trấn), tiến hành trấn áp Hoài Nam Vương Lưu An, củng cố chế độ trung ương tập quyền. Ông bác bỏ chính sách kinh tế “nhà nước không tranh lợi với nhân dân” (“bất dũ dân tranh lợi”), “trả nghề làm muối và luyện sắt cho người dân” (“diêm thiết giai quy ư dân”, *Hán Thư*, *Thực hóa chí*) của Đồng Trọng Thư, thực hành chính sách nhà nước phải nắm ngành muối và sắt của Pháp gia; đồng thời, tiến hành các biện pháp “toán mần” (thu thuế tài sản của các nhà buôn giàu có và những người cho vay nặng lãi), “cáo mần” (đánh thuế các chủ sử dụng nô lệ?).

Đến trung kỳ, hậu kỳ Tây Hán, quá trình tập trung hóa đất đai vào tay số ít tư nhân (các nhà quý tộc phong kiến, quan lại, đại địa chủ) diễn ra ngày càng mạnh. Trong *Hán Thư* có chép: “Kẻ mạnh thì ruộng vườn ngàn mảnh, kẻ yếu thì tác đất cầm dùi cũng không” (“Cường giả quy điền dĩ thiên số, nhược giả tàng vô lập chùy chi cư”, *Hán Thư*, *Vương Mãng truyện*). Thế lực đại địa chủ, thế gia hào tộc này cũng chính là lực lượng bảo thủ trong xã hội. Họ ra sức tuyên truyền một ý thức hệ lạc hậu nhằm kìm hãm sự bùng phát của số đông

nông dân bị phá sản, tôn sùng Khổng Mạnh, đề cao việc đọc kinh điển (tôn Khổng độc kinh), thi nhau nhận mình là học trò của Khổng Mạnh. Sau khi Hán Vũ Đế vừa qua đời, lực lượng thế gia hào tộc liền mở cái gọi là “Hội nghị làm muối làm sắt” (“Diêm thiết hội nghị”), tấn công Pháp gia nhằm thay đổi con đường pháp trị. Tuy kế hoạch này thất bại, song đến lúc Hán Nguyên Đế qua đời, lực lượng trên đã khống chế được quyền lực trong triều đình và từ đó, ý thức hệ Nho gia chiếm địa vị thống trị. Quang Vũ Đế thành lập nhà Đông Hán, ông đặc biệt đề cao Nho học, coi các con chữ trong kinh điển như những lời sấm truyền, bất cứ ai tỏ thái độ hoài nghi hay bất kính với Nho gia đều bị khép vào tội chết “phi thánh vô pháp”. Đến năm 79, Hán Chương Đế tự mình chủ trì một cuộc hội kinh học Bạch Hổ Quan lớn, lý luận hóa thuyết “thiên nhân cảm ứng” của Đồng Trọng Thư, biên tập ra *Bạch Hổ thông nghĩa* nổi tiếng, chính thức tuyệt đối hóa địa vị ý thức hệ Nho gia. Cũng từ đây, hệ tư tưởng Pháp gia và phương thức pháp trị hạ thêm một bậc nữa trong lịch sử Trung Quốc(20).

Tóm lại, tư tưởng của Hàn Phi hết sức sâu rộng, bao gồm chính trị, pháp luật, triết học, xã hội, kinh tế, quân sự, giáo dục...; trong đó, then chốt chính là tư tưởng chính trị. Ông đề tâm suy nghĩ làm sao cho vị vua trong điều kiện xã hội đương thời có thể vận dụng vô số các phương pháp khác nhau để đạt được cục diện chính trị ổn định, để cho nước giàu quân mạnh. Có thể nói “Hàn Phi Tử” là một bộ sách chính trị học vĩ đại và học thuyết chính trị của ông được người xưa gọi là “học thuyết của đế vương” (đế vương chi học).□

(20) Xem: Dương Vinh Quốc (chủ biên), *Giản minh Trung Quốc triết học sử*, Nhân dân xuất bản xã, Bắc Kinh, 1976, tr. 97 – 105.